

Số: /QĐ-PC08

Nghệ An, ngày 10 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
TỔ CHỨC KỲ SÁT HẠCH LÁI XE

TRƯỞNG PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BCA ngày 25/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; Xét đề nghị của đồng chí Đội trưởng Đội Sát hạch, cấp Giấy phép lái xe.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép tổ chức kỳ sát hạch lái xe mô tô cho tổng số: 449 thí sinh, hạng B, C1 (có danh sách thí sinh dự thi kèm theo).

Kỳ sát hạch được tiến hành ngày 15/7/2026 tại Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe Đại Phát – Cơ sở Nghĩa Đàn, địa chỉ: xã Nghĩa Thọ, tỉnh Nghệ An (có mã QR kèm theo).

Điều 2. Thành lập Hội đồng sát hạch gồm các thành viên có tên dưới đây:

1. Đồng chí Thượng tá Nguyễn Hàm Thắng, Chức vụ: Phó Trưởng phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, Chủ tịch Hội đồng;

2. Đồng chí Thượng tá Phạm Văn Lực, Chức vụ: Đội trưởng Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng;

3. Ông: Nguyễn Hoàng Anh, Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe Đại Phát - Cơ sở Nghĩa Đàn, Ủy viên Hội đồng;

4. Đồng chí Đại úy Lê Cảnh Đức, Chức vụ: Cán bộ Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, Thư ký.

5. Các sát hạch viên (có danh sách kèm theo).

Trách nhiệm của từng thành viên do Chủ tịch hội đồng phân công.

Điều 3. Hội đồng sát hạch có các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế. Kết thúc kỳ sát hạch, lập biên bản tổng hợp kết quả sát hạch, Hội đồng sát hạch tự giải thể.

Điều 4. Hội đồng sát hạch và thí sinh có tên tại các Điều 1, Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Đ/c Giám đốc
 - Đ/c PGĐ Phụ trách
 - Cục C08 BCA
- } (để báo cáo)
- Như Điều 4 (để thực hiện);
 - Lưu: VT, PC08(Lực).



TRƯỞNG PHÒNG

Đại tá Lê Thanh Nghị

DANH SÁCH SÁT HẠCH VIÊN

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ- PC08 ngày /7/2026 của Phòng CSGT)

TT	CẤP BẬC, HỌ TÊN	NHIỆM VỤ
1	Thượng tá Phạm Văn Lực	Sát hạch viên
2	Trung tá Bùi Thái Cường	Sát hạch viên
3	Trung tá Vũ Minh Phương	Sát hạch viên
4	Trung tá Nguyễn Quốc Phúc	Sát hạch viên
5	Trung tá Đặng Trọng Quang	Sát hạch viên
6	Trung tá Phạm Công Thành	Sát hạch viên
7	Trung tá Bùi Thanh Sơn	Sát hạch viên
8	Trung tá Lê Văn Hùng	Sát hạch viên
9	Thiếu tá Nguyễn Ngọc Tú	Sát hạch viên
10	Thiếu tá Hoàng Quốc Đạt	Sát hạch viên
11	Thiếu tá Nguyễn Việt Cường	Sát hạch viên
12	Thiếu tá Nguyễn Quốc Anh	Sát hạch viên
13	Đại úy Nguyễn Văn Phương	Sát hạch viên
14	Đại úy Nguyễn Tuấn Anh	Sát hạch viên
15	Thượng úy Trần Thiện Hoàng	Sát hạch viên

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE
(Kèm theo Quyết định số: 1630/QĐ- PC08 ngày 10 tháng 7 năm 2026 của Phòng Cảnh sát giao thông)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
1	TRẦN THỊ MINH AN	01/07/1993	*****24	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x		7518
2	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG AN	20/11/2003	*****22	Xã Nghĩa Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		7698
3	PHAN THỊ AN	27/12/1994	*****97	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7787
4	TRẦN NGỌC ANH	04/10/1991	*****71	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		7921
5	HỒ THỊ ANH	26/10/1979	*****87	Xã Quỳnh Văn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7319
6	LÊ ĐỨC ANH	25/05/1982	*****35	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		5310
7	NGÔ ĐỨC ANH	01/10/2002	*****16	Xã Nghĩa Thọ, Tỉnh Nghệ An	x		7551
8	TRỊNH HỮU ANH	07/07/1998	*****68	Xã Nghĩa Lâm, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7567
9	NGUYỄN ĐÌNH ANH	20/07/1995	*****25	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x		7258
10	LŨ THỊ TÚ ANH	25/10/1994	*****53	Xã Quỳnh Châu, Tỉnh Nghệ An	x		4124
11	LÊ THỊ NGỌC ÁNH	26/03/2000	*****94	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7083
12	PHAN HỮU ẮT	02/05/1985	*****71	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		7881
13	TRẦN VĂN ÂU	13/04/1965	*****88	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x		7762
14	LÝ HỒ BẮC	06/12/1976	*****13	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7707

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
15	VI VĂN BÍCH	19/02/1988	*****57	Xã Mùòng Ham, Tỉnh Nghệ An	x		7137
16	NGUYỄN THỊ BIÊN	22/08/1993	*****47	Xã Nghĩa Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6142
17	NGUYỄN VĂN BÌNH	15/12/1986	*****78	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x		7949
18	NGUYỄN THỊ THANH BÌNH	25/10/1978	*****01	Xã Con Cuông, Tỉnh Nghệ An	x		4205
19	ĐẬU VĂN BÌNH	26/03/1992	*****25	Xã Tân An, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7625
20	TRẦN THỊ BÌNH	04/10/1987	*****20	Xã Quế Phong, Tỉnh Nghệ An	x		7729
21	LÊ TRỌNG CẦN	20/12/1956	*****45	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		7473
22	NGUYỄN VĂN CẦU	01/10/1984	*****98	Xã Nghĩa Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5312
23	HỒ ĐỨC CÔNG	12/06/1997	*****22	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x		6167
24	NGUYỄN THANH CÔNG	09/11/2000	*****16	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7259
25	NGUYỄN KHẮC CƯỜNG	02/11/2001	*****01	Xã Giai Lạc, Nghệ An	x		5644
26	TRƯƠNG VĂN CƯỜNG	23/07/1983	*****08	Phường Tân Mai, Tỉnh Nghệ An	x		7454
27	BÙI GIA CƯỜNG	28/06/1985	*****13	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		7941
28	TRỊNH VĂN CƯỜNG	10/12/1982	*****60	Xã Con Cuông, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7943
29	LÔ THỊ CƯỜNG	13/12/1988	*****78	Xã Châu Hồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7956

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
30	VI VĂN CƯỜNG	13/02/1986	*****50	Xã Mường Quàng, Tỉnh Nghệ An	x		7626
31	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	16/06/1980	*****08	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		5900
32	LŨ VĂN CƯỜNG	18/04/1984	*****43	Xã Châu Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		7788
33	ĐẬU THANH CHÂU	13/10/1981	*****95	Xã Nhân Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		6967
34	HỒ ĐÌNH CHÂU	12/10/1999	*****27	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		6838
35	NGUYỄN THỊ QUỲNH CHI	31/08/2006	*****42	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x		5429
36	LÊ THỊ KHÁNH CHI	22/12/2003	*****36	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7730
37	TRƯƠNG THỊ THUỶ CHI	18/12/1995	*****99	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		7731
38	PHAN TRỌNG CHÍ	12/09/1989	*****46	Xã Tân Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7954
39	NGUYỄN VĂN CHIẾN	15/02/1984	*****17	Xã Tân An, Tỉnh Nghệ An	x		7955
40	NGUYỄN VĂN CHIẾN	12/09/1998	*****59	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x		7882
41	TRẦN VĂN CHUNG	06/01/1980	*****76	Xã Nghĩa Khánh, Tỉnh Nghệ An	x		7852
42	PHAN TẮT CHUNG	03/09/1990	*****21	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7273
43	ĐẶNG NGỌC DÂN	24/01/2000	*****02	Xã Quỳnh Văn, Tỉnh Nghệ An	x		7939
44	LÊ VĂN DÂN	10/08/1960	*****25	Xã Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7957

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
45	NGUYỄN THỊ DIỆN	10/08/1980	*****53	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7486
46	NGUYỄN XUÂN DIỆU	22/11/1966	*****12	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		7522
47	LÊ THỊ DOANH	08/10/1992	*****95	Xã Nghĩa Hành, Tỉnh Nghệ An	x		7299
48	LANG VĂN DU	01/10/1993	*****74	Xã Tiền Phong, Tỉnh Nghệ An	x		7945
49	LÝ VĂN DUÂN	21/04/1988	*****47	Xã Hùng Chân, Tỉnh Nghệ An	x		7950
50	TRẦN THỊ KIM DUNG	20/10/1982	*****40	Xã Quế Phong, Tỉnh Nghệ An	x		5421
51	TRẦN THỊ DUNG	25/09/2002	*****88	Xã Nghĩa Đồng, Nghệ An	x		1629
52	NGUYỄN THỊ DUNG	08/12/1986	*****67	Xã Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An	x		2018
53	NGUYỄN THỊ THUỖ DUNG	10/12/1994	*****88	Xã Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An	x		7354
54	LÊ THỊ HUYỀN DUNG	10/10/1994	*****80	Xã Nghĩa Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7733
55	HỒ THỊ DUNG	27/09/2001	*****31	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7790
56	LÊ THỊ DUNG	22/07/1990	*****26	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		7791
57	TRƯƠNG THỊ DỪNG	12/09/1975	*****87	Xã Nghĩa Mai, Tỉnh Nghệ An	x		7951
58	NGUYỄN HỒNG DỪNG	25/04/1994	*****63	Xã Tân Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7959
59	NGUYỄN HỮU DỪNG	01/08/1981	*****47	Xã Thuần Trung, Tỉnh Nghệ An	x		6799

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
60	LÊ VĂN DŨNG	11/09/1987	*****56	Phường Tân Mai, Tỉnh Nghệ An	x		7037
61	DƯƠNG QUỐC DŨNG	08/10/1973	*****72	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		7792
62	NGUYỄN BÁ DUY	13/01/1996	*****94	Xã Quỳnh Thắng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7442
63	VI THỊ THANH DUYÊN	14/06/1986	*****15	Xã Quế Phong, Tỉnh Nghệ An	x		7734
64	KÈM THÁI DƯƠNG	27/08/1999	*****95	Xã Châu Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		7960
65	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	24/09/1994	*****84	Xã Con Cuông, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7380
66	BÙI BÁ ĐẠI	31/08/1998	*****09	Xã Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7504
67	TRẦN VĂN ĐẠI	18/08/1999	*****19	Xã Nghĩa Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7568
68	PHẠM VĂN ĐẠO	12/09/1985	*****78	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		7703
69	LÊ VĂN THÀNH ĐẠT	05/01/2007	*****49	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7569
70	TRẦN THÀNH ĐẠT	23/03/2005	*****68	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7732
71	VŨ TIẾN ĐẠT	12/09/1997	*****14	Xã Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7763
72	LÊ VĂN ĐIỆP	01/02/1994	*****82	Xã Tiên Phong, Tỉnh Nghệ An	x		7946
73	LÔ VĂN ĐIỆP	02/12/1986	*****77	Xã Tiên Phong, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7353
74	NGUYỄN THỊ ĐIỆP	20/10/1985	*****29	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		7789

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
75	CHU VĂN ĐÔNG	10/03/1970	*****55	Xã Nghĩa Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		7681
76	HOÀNG VĂN ĐỒNG	20/03/1993	*****35	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3447
77	NGUYỄN MINH ĐỨC	28/12/2007	*****32	Xã Nông Cống, Tỉnh Thanh Hóa	x		7958
78	TRẦN VĂN ĐỨC	01/05/1995	*****98	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7573
79	PHẠM VĂN ĐỨC	01/05/1990	*****26	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x		7853
80	ĐẬU CAO ĐỨC	17/07/2007	*****90	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x		7883
81	TRƯƠNG VĂN ĐƯỜNG	16/07/1992	*****99	Xã Nghĩa Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		7884
82	ĐOÀN THỊ HỒNG GẮM	07/03/2000	*****43	Xã Vũ Dương, Tỉnh Ninh Bình	x	A1	4868
83	LÀU BÁ GIẢI	16/09/1987	*****79	Xã Na Ngòi, Tỉnh Nghệ An	x		7704
84	CAO XUÂN GIANG	14/12/2004	*****59	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		8204
85	HÀ VĂN GIÁP	18/04/1999	*****09	Xã Mường Ham, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7961
86	TRẦN QUANG GIÁP	12/05/1996	*****26	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7793
87	TRẦN THỊ HÀ	20/10/1993	*****88	Xã Tân An, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7628
88	LỮ THỊ HÀ	17/12/1985	*****04	Xã Châu Hồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7694
89	TRƯƠNG VĂN HẠ	26/11/1972	*****09	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		4971

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
90	NGUYỄN THANH HẢI	25/12/1976	*****94	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		4783
91	NGÔ ĐÌNH HẢI	22/02/1995	*****95	Xã Nghĩa Hành, Tỉnh Nghệ An	x		6143
92	LƯƠNG THỊ MINH HẢI	10/09/1989	*****47	Xã Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7794
93	LƯU THỊ HẢI	15/09/1976	*****28	Xã Tân An, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7795
94	HOÀNG ĐÌNH HẢI	01/06/2002	*****51	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7885
95	NGUYỄN VĂN HẠNH	23/08/1991	*****56	Xã Nghĩa Thọ, Tỉnh Nghệ An	x		7825
96	TRẦN THỊ HỒNG HẠNH	18/10/1984	*****65	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		7088
97	HOÀNG THỊ HẢO	10/12/1979	*****58	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x		7764
98	ĐÀO THỊ HẰNG	07/05/1981	*****07	Xã Nghĩa Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7664
99	LƯƠNG THỊ HẰNG	13/09/1996	*****02	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7823
100	NGUYỄN THỊ HẰNG	19/01/2001	*****89	Xã Bình Minh, Tỉnh Nghệ An	x		7796
101	LANG THỊ THU HIỀN	05/09/1999	*****65	Xã Quỳnh Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6046
102	NGUYỄN THỊ HIỀN	02/07/1984	*****92	Xã Nghĩa Thọ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7496
103	LÊ THỊ THANH HIỀN	26/12/1993	*****80	Xã Nghĩa Khánh, Tỉnh Nghệ An	x		7384
104	NGÂN VĂN HIỀN	07/06/1985	*****20	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7291

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
105	ĐẬU DANH HIỀN	26/08/1973	*****64	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x		7553
106	TRẦN ĐẠT HIỆP	04/05/2000	*****32	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7494
107	HỒ XUÂN HIỆP	10/02/1990	*****87	Xã Tân An, Tỉnh Nghệ An	x		2162
108	QUẾ XUÂN HIỆP	18/05/1979	*****38	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		7735
109	TRẦN TRUNG HIẾU	30/08/1983	*****61	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		647
110	VŨ VĂN HIẾU	24/08/1986	*****20	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7862
111	ĐẶNG ĐỨC HIẾU	20/03/2005	*****83	Xã Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7736
112	HỒ THỊ HIẾU	11/08/1989	*****73	Xã Quỳnh Văn, Tỉnh Nghệ An	x		7765
113	NGUYỄN THỊ HOA	14/01/1987	*****16	Xã Nghĩa Lâm, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7863
114	LA THỊ HOA	15/12/1995	*****44	Xã Con Cuông, Tỉnh Nghệ An	x		7705
115	TRẦN THỊ HOA	18/08/1995	*****72	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7737
116	NGUYỄN THỊ HOA	08/03/1992	*****05	Xã Quỳnh Thắng, Tỉnh Nghệ An	x		7766
117	NGUYỄN THỊ HOÀ	09/08/1989	*****65	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x		7738
118	LÊ XUÂN HÒA	20/12/1982	*****50	Xã Giai Xuân, Tỉnh Nghệ An	x		7725
119	LÝ THỊ HOÀI	25/12/1988	*****91	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		7962

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
120	NGUYỄN THỊ HOÀI	02/12/1993	*****55	Xã Nghĩa Khánh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7537
121	HỒ VĂN HOÀI	27/05/2007	*****67	Xã Nghĩa Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		7458
122	PHAN THỊ HOÀI	20/06/1985	*****39	Xã Mường Ham, Tỉnh Nghệ An	x		7831
123	NGUYỄN THỊ HOÀI	25/02/1991	*****95	Xã Vân Du, Tỉnh Nghệ An	x		7739
124	LÊ THỊ HOÀI	07/03/1992	*****60	Xã Nghĩa Thọ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7797
125	TRỊNH XUÂN HOÀN	03/02/2001	*****40	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7713
126	NGUYỄN VĂN HOÀNG	09/01/2005	*****75	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		7292
127	TRẦN NGỌC HOÀNG	11/07/1994	*****91	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		7295
128	NGŨ VĂN HOÀNG	27/10/1999	*****70	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7767
129	NGUYỄN VIỆT HỘI	08/09/1991	*****55	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x		5669
130	ĐẬU THỊ HỒNG	18/07/1993	*****63	Xã Quỳnh Văn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7768
131	VY VĂN HỘI	08/03/1971	*****70	Xã Châu Tiến, Tỉnh Nghệ An	x		6483
132	TRẦN QUÝ HỘI	15/10/1985	*****48	Xã Nghĩa Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		7886
133	ĐINH THỊ HUỆ	24/09/1982	*****28	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		4091
134	LÊ THỊ HUỆ	14/04/1993	*****72	Xã Nghĩa Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		7444

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
135	LƯƠNG THỊ HUỆ	26/05/1984	*****26	Xã Quế Phong, Tỉnh Nghệ An	x		7906
136	HÀ THỊ THU HUỆ	17/09/1998	*****20	Xã Liên Minh, Phú Thọ	x		3423
137	VI VĂN HÙNG	05/07/1984	*****56	Xã Quế Phong, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7907
138	LÊ VĂN HÙNG	08/02/2004	*****14	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x		5249
139	CHU VĂN HÙNG	15/04/1985	*****40	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7528
140	ĐÀO XUÂN HÙNG	05/10/1973	*****22	Xã Nghĩa Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		2762
141	HOÀNG MẠNH HÙNG	03/04/1973	*****73	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		6754
142	LÊ BÁ HÙNG	16/06/1987	*****26	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x		7051
143	VŨ QUANG HÙNG	12/07/1988	*****00	Xã Tượng Lĩnh, Tỉnh Thanh Hóa	x		7887
144	PHAN NGỌC HUY	08/05/2007	*****73	Xã Tân Phú, Tỉnh Nghệ An	x		6580
145	LƯƠNG GIA HUY	22/08/2007	*****67	Xã Tiên Phong, Tỉnh Nghệ An	x		7533
146	TRƯƠNG THỊ HUYỀN	23/04/1986	*****55	Xã Châu Bình, Tỉnh Nghệ An	x		7916
147	LÊ THỊ HUYỀN	10/02/2000	*****46	Phường Tân Mai, Tỉnh Nghệ An	x		7901
148	HỒ THỊ HUYỀN	12/06/1996	*****22	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		4092
149	NGUYỄN THỊ HUYỀN	20/02/1983	*****82	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x		7741

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
150	NGUYỄN THỊ HUYỀN	10/10/1992	*****61	Xã Quỳnh Văn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7770
151	TRƯƠNG ĐẮC HÙNG	12/11/2000	*****65	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		7706
152	TRẦN VIỆT HÙNG	11/02/1986	*****31	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		7702
153	VŨ VĂN HÙNG	30/10/1985	*****97	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		7715
154	VI VĂN HÙNG	02/05/1993	*****29	Xã Châu Hồng, Tỉnh Nghệ An	x		7888
155	TRẦN THỊ HƯƠNG	07/10/1998	*****60	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5423
156	PHAN THỊ HƯƠNG	16/12/1997	*****95	Xã Nghĩa Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7864
157	PHẠM THỊ LAN HƯƠNG	10/05/1992	*****63	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		7740
158	NGÔ THỊ HƯỜNG	03/05/1987	*****15	Xã Nghĩa Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		980
159	NGUYỄN VĂN HƯỚNG	20/05/1983	*****88	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A.03	7538
160	MAI THANH HỮU	05/12/1974	*****02	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7769
161	NGÔ QUANG KIÊN	15/07/2004	*****25	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7889
162	NGUYỄN THỊ KIỀU	20/03/1993	*****12	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7332
163	PHAN THỊ KIỀU	20/08/1989	*****32	Xã Nghĩa Khánh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7710
164	MAI THỊ KỶ	10/10/2000	*****73	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7798

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
165	VI VĂN KHẢI	28/01/2003	*****23	Xã Châu Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		7963
166	HOÀNG ĐỨC KHÁNG	28/05/1972	*****09	Xã Nghĩa Lâm, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7771
167	NGÔ HỒ PHÚ KHÁNH	30/07/2003	*****31	Xã Quế Phong, Tỉnh Nghệ An	x		5833
168	LÊ VĂN KHÔI	29/07/1991	*****33	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7556
169	VŨ DUY LAI	26/04/1987	*****94	Xã Châu Bình, Tỉnh Nghệ An	x		7557
170	NGUYỄN THỊ THANH LÀI	22/06/1976	*****22	Xã Con Cuông, Tỉnh Nghệ An	x		7772
171	CAO ĐĂNG LAM	12/08/1992	*****59	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		2163
172	LƯƠNG THỊ LAN	10/02/1985	*****00	Xã Quế Phong, Tỉnh Nghệ An	x		7742
173	LƯƠNG THỊ LAN	16/04/1994	*****60	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		7799
174	TRẦN XUÂN LÂM	06/06/1983	*****61	Xã Nghĩa Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7952
175	TRẦN ĐÌNH LÂM	07/08/1979	*****02	Xã Nghĩa Lâm, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7423
176	HỒ NGỌC LÂM	27/10/2004	*****70	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x		7726
177	QUAN TIÊU LÊ	11/05/1994	*****00	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7902
178	ĐẶNG THỊ LÊ	20/07/1994	*****91	Xã Tân An, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7800
179	NGUYỄN THỊ LIÊN	11/03/1996	*****80	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7601

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
180	TRỊNH THỊ LIÊN	20/07/2000	*****03	Xã Quỳnh Thắng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7773
181	TRẦN THỊ LIỆU	09/08/1997	*****27	Xã Quỳnh Văn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7774
182	PHẠM THỊ LINH	21/04/1982	*****83	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		7930
183	TĂNG VĂN LINH	09/12/1990	*****79	Xã Nghĩa Lâm, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7570
184	HỒ THỊ KHÁNH LINH	18/02/2005	*****08	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		5435
185	ĐẶNG TRẦN KHÁNH LINH	15/06/2002	*****20	Xã Nghĩa Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7775
186	Nguyễn Thị Ngọc Linh	02/06/1998	*****71	Xã Quế Phong, tỉnh Nghệ An	x		
187	LŨ VĂN LẬP	26/08/1991	*****50	Xã Yên Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		7980
188	NGUYỄN THỊ KIỀU LOAN	23/06/1991	*****53	Phường Tân Mai, Tỉnh Nghệ An	x		7903
189	NGUYỄN THỊ LOAN	15/07/1991	*****06	Xã Tân Phú, Tỉnh Nghệ An	x		7964
190	TRẦN HƯNG LONG	07/07/2001	*****27	Xã Quỳnh Thắng, Tỉnh Nghệ An	x		7931
191	VÕ VĂN LONG	23/02/1990	*****36	Xã Quỳ Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		7965
192	VI VĂN LONG	16/08/2004	*****55	Xã Mường Chông, Tỉnh Nghệ An	x		6848
193	NGUYỄN HỮU LONG	15/05/1988	*****22	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		7801
194	TRẦN THỊ LỢI	07/07/1974	*****00	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		7925

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
195	TRẦN THỊ LỢI	30/12/1992	*****77	Xã Nghĩa Thọ, Tỉnh Nghệ An	x		7743
196	BÙI KIM LUYẾN	11/06/1987	*****96	Xã Yên Xuân, Tỉnh Nghệ An	x		7306
197	NGUYỄN VĂN LUYỆN	19/10/1981	*****66	Phường Tân Mai, Tỉnh Nghệ An	x		7744
198	TRẦN QUANG LƯƠNG	24/08/2003	*****80	Xã Châu Bình, Tỉnh Nghệ An	x		7979
199	LÊ VĂN LƯƠNG	20/07/1976	*****94	Xã Nghĩa Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		7890
200	NGUYỄN THỊ LÝ	12/10/1983	*****55	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7745
201	VÕ THỊ SAO MAI	15/04/2001	*****54	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7918
202	MOONG THỊ MAI	10/06/1990	*****27	Xã Tri Lễ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7481
203	NGUYỄN THỊ MAI	01/06/1990	*****92	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x		7334
204	NGUYỄN XUÂN MẠNH	07/07/1989	*****67	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		7276
205	TRẦN VĂN MẠNH	04/03/1994	*****67	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7776
206	NGUYỄN THỊ MẠNH	25/04/1994	*****92	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7802
207	BÙI THỊ MINH	20/01/1977	*****57	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x		7923
208	CAO THỊ MINH	25/05/1987	*****40	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		7966
209	HỒ THỊ MINH	19/07/1993	*****84	Xã Nghĩa Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7972

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
210	HÀ VĂN MINH	01/06/1975	*****24	Xã Nghĩa Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		5160
211	HOÀNG BÌNH MINH	19/05/1982	*****57	Xã Quỳnh Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7632
212	TRẦN THỊ MINH	10/04/1987	*****68	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x		7746
213	LÔ THỊ MỜ	18/07/1990	*****78	Xã Mùong Quàng, Tỉnh Nghệ An	x		7308
214	QUÁCH THỊ NA	06/12/1990	*****46	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		5460
215	DƯ VĂN NAM	07/03/1998	*****41	Xã Nghĩa Thọ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	8222
216	TRẦN XUÂN NAM	01/12/1997	*****45	Phường Tân Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7529
217	NGUYỄN DANH NAM	15/02/1990	*****29	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x		7462
218	TRẦN GIANG NAM	17/11/1996	*****61	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x		7463
219	TRƯƠNG VĂN NAM	27/07/1999	*****46	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7777
220	PHAN THỊ NGA	05/09/1982	*****95	Xã Nghĩa Khánh, Tỉnh Nghệ An	x		7919
221	NGUYỄN THỊ NGA	13/09/2000	*****78	Xã Quỳnh Thắng, Tỉnh Nghệ An	x		7497
222	LANG THỊ NGA	16/10/1985	*****94	Xã Quế Phong, Tỉnh Nghệ An	x		1182
223	NGÔ THỊ NGA	18/11/1992	*****63	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7747
224	BÙI THỊ THÚY NGA	28/02/1979	*****87	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x		7803

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
225	BÙI LÊ NGÂN	21/05/2001	*****63	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		7748
226	NGUYỄN THỊ NGÂN	09/09/1983	*****46	Xã Tứ Kỳ, Thành phố Hải Phòng	x		7749
227	TRƯƠNG VĂN NGHĨA	12/09/1996	*****57	Xã Nghĩa Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		7550
228	LÊ CÔNG NGHĨA	05/08/1990	*****06	Xã Quỳnh Thắng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7190
229	LÊ THỊ NGHĨA	19/01/2000	*****33	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7804
230	NGUYỄN THU NGHĨA	21/11/1997	*****96	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7805
231	Nguyễn Tuấn Nghĩa	07/09/2001	*****31	Phường Tây Hiếu, tỉnh Nghệ An	x		
232	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	23/06/1993	*****58	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7904
233	BÙI VĂN NGỌC	20/07/1980	*****28	Xã Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An	x		7967
234	LÊ VĂN NGỌC	16/11/1987	*****69	Xã Quỳnh Thắng, Tỉnh Nghệ An	x		7493
235	LÊ VĂN NGỌC	01/07/1975	*****90	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6634
236	TRẦN THỊ NGỌC	10/02/1987	*****09	Xã Châu Bình, Tỉnh Nghệ An	x		7044
237	LÊ HOÀNG NGỌC	07/03/1983	*****60	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		7424
238	NGUYỄN THỊ NGỌC	24/04/2001	*****95	Xã Tây Tiền Hải, Tỉnh Hưng Yên	x		7750
239	THÁI THỊ NGỌC	15/06/1995	*****35	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7751

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
240	TRẦN THỊ HỒNG NGỌC	30/09/1996	*****43	Xã Nghĩa Hành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7806
241	LÔ THỊ NGUYỄN	08/03/1984	*****44	Xã Hùng Chân, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7520
242	LỮ THỊ NGUYỆT	28/06/1974	*****76	Xã Quỳnh Châu, Tỉnh Nghệ An	x		7915
243	VÕ THỊ NGUYỆT	15/11/1983	*****05	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x		6185
244	LỮ THỊ NHÀN	10/03/1999	*****30	Xã Châu Tiến, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7483
245	NGÔ THỊ THANH NHÀN	07/07/1989	*****50	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7311
246	CHU THỊ NHÀN	09/12/2000	*****58	Xã Tân Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7752
247	ĐẶNG THỊ NHÀN	24/08/1994	*****49	Xã Quỳnh Thắng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7778
248	PHẠM THỊ NHÂM	28/08/2002	*****78	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		7905
249	NGUYỄN KHÁNH NHÂM	03/09/1999	*****15	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7938
250	LÊ THỊ NHÂN	12/08/1993	*****93	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		7270
251	TRẦN THỊ YẾN NHI	09/10/2004	*****48	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7932
252	NGUYỄN THỊ MAI NHI	08/05/1998	*****43	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7368
253	HỒ ĐỨC NHUẬN	15/10/1995	*****70	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7446
254	LÊ THỊ NHUNG	24/09/1992	*****13	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		7933

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
255	NGUYỄN THỊ NHUNG	26/03/1990	*****85	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		7398
256	NGUYỄN HỮU NHỰ	20/10/1985	*****29	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x		6853
257	VI THỊ CÚC NHƯỘC	30/03/2005	*****93	Xã Nghĩa Thọ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7558
258	NGUYỄN MINH PHA	16/10/1989	*****81	Phường Hương Thủy, Thành phố Huế	x	A1	7146
259	DƯ ĐÌNH PHONG	30/10/1994	*****18	Xã Nghĩa Thọ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7891
260	ĐÌNH BẠT PHÚ	31/07/2004	*****43	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x		7977
261	NGUYỄN VĂN PHÚ	20/04/1999	*****30	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7979
262	ĐẶNG CÔNG PHÚ	20/11/1989	*****25	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		4207
263	NGUYỄN DUY PHÚ	20/09/2007	*****26	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x		7464
264	NGUYỄN NGỌC PHÚC	02/02/1997	*****90	Xã Nghĩa Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		2831
265	LÊ THỊ PHÚC	25/09/1989	*****27	Xã Xuân Bình, Tỉnh Thanh Hóa	x		7426
266	NGUYỄN HỮU PHƯỚC	01/09/1983	*****46	Xã Châu Bình, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7917
267	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	08/07/1987	*****59	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7476
268	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	02/07/1992	*****95	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7478
269	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	30/12/2003	*****20	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7312

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
270	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	28/12/1973	*****15	Xã Con Cuông, Tỉnh Nghệ An	x		7339
271	NGÔ THỊ PHƯƠNG	15/05/1989	*****89	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		7370
272	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	30/01/1992	*****57	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6305
273	HỒ VĂN PHƯƠNG	29/08/2000	*****97	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x		7521
274	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG	16/05/1994	*****44	Xã Tân Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7634
275	TRẦN THỊ PHƯƠNG	05/05/1990	*****87	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7256
276	TRỊNH THỊ PHƯƠNG	22/03/1992	*****26	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7753
277	NGUYỄN THỊ TÚ PHƯƠNG	25/01/1991	*****80	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7807
278	NGÂN THỊ PHƯƠNG	07/09/1995	*****75	Xã Tiên Phong, Nghệ An	x	A1	2288
279	TRỊNH XUÂN QUANG	21/08/2002	*****56	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		3975
280	THÁI BÁ QUANG	08/10/1985	*****99	Xã Con Cuông, Tỉnh Nghệ An	x		7539
281	TRẦN HỒNG QUÂN	28/11/1994	*****32	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		7926
282	CÁP XUÂN ANH QUÂN	16/02/2007	*****84	Xã Nghĩa Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7834
283	LƯƠNG VĂN QUÝ	12/06/1989	*****86	Xã Mường Chông, Tỉnh Nghệ An	x		7534
284	PHAN VĂN QUÝ	21/03/1986	*****52	Xã Nghĩa Thọ, Tỉnh Nghệ An	x		7871

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
285	NGUYỄN THỊ QUYÊN	26/10/2004	*****13	Xã Nghĩa Mai, Tỉnh Nghệ An	x		7927
286	TRƯƠNG THỊ QUYÊN	14/10/1999	*****15	Phường Tân Mai, Tỉnh Nghệ An	x		3314
287	HOÀNG THỊ QUYÊN	01/10/1991	*****62	Xã Giai Lạc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3287
288	NGUYỄN THỊ QUYÊN	28/05/1993	*****46	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7808
289	BÙI TRỌNG QUYỀN	29/05/2003	*****90	Xã Giai Lạc, Tỉnh Nghệ An	x		7449
290	LÊ NGỌC QUỲNH	25/12/1985	*****60	Xã Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7519
291	LÊ VĂN QUỲNH	19/10/2000	*****01	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x		7465
292	MAI THỊ NHƯ QUỲNH	01/05/1996	*****45	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7587
293	PHẠM THỊ QUỲNH	02/09/1980	*****06	Xã Quỳnh Châu, Tỉnh Nghệ An	x		6980
294	PHAN THỊ QUỲNH	08/10/1991	*****88	Xã Tân Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7754
295	VŨ THỊ QUỲNH	20/05/1996	*****37	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x		7755
296	HUỲNH THỊ NHƯ QUỲNH	04/04/2004	*****25	Xã Quỳnh Thắng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7779
297	BÙI THỊ QUỲNH	02/05/1993	*****75	Xã Tân An, Tỉnh Nghệ An	x		7809
298	LÊ XUÂN SANG	22/09/1984	*****25	Xã Nghĩa Thọ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	4361
299	LÊ DOÃN SÁNG	20/11/1978	*****22	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x		7968

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
300	PHẠM THỊ SÁU	04/05/1986	*****40	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x		7485
301	PHAN THỊ SINH	05/06/1988	*****75	Xã Minh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		6138
302	TRẦN XUÂN SƠN	29/08/1988	*****53	Xã Quỳnh Văn, Tỉnh Nghệ An	x		7973
303	TRẦN KHẮC SƠN	02/01/1983	*****57	Xã Nghĩa Hành, Tỉnh Nghệ An	x		7375
304	PHẠM VĂN SƠN	05/10/1982	*****83	Xã Nghĩa Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		7720
305	LÊ VĂN SƠN	25/07/1990	*****46	Xã Xuân Bình, Tỉnh Thanh Hóa	x		5836
306	LÊ MINH SƠN	29/04/1993	*****98	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x		7892
307	NGUYỄN THỊ LỆ SƯƠNG	02/09/1989	*****58	Xã Nghĩa Lâm, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7016
308	HỒ SỸ SỬU	06/02/1985	*****88	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7716
309	HỒ XUÂN SỸ	04/02/1985	*****34	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		7974
310	PHẠM TIẾN TÀI	19/08/2001	*****65	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	x		1373
311	PHẠM VĂN TÀI	07/05/1987	*****07	Xã Nghĩa Thọ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7893
312	NGÔ TRÍ TẠO	07/02/1995	*****96	Xã Nghĩa Thọ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7894
313	LẠI THỊ TÂM	12/10/1999	*****02	Xã Mường Chông, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7403
314	LÊ THANH TÂM	04/01/1991	*****22	Xã Xuân Bình, Tỉnh Thanh Hóa	x		7524

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
315	NGUYỄN THỊ TÂM	08/04/1988	*****80	Xã Tân An, Tỉnh Nghệ An	x		7636
316	NGUYỄN VĂN TÂN	03/09/1994	*****82	Xã Mường Ham, Tỉnh Nghệ An	x		7546
317	NGUYỄN MINH TÂN	08/10/2001	*****89	Xã Nghĩa Khánh, Tỉnh Nghệ An	x	A1 B11	7429
318	TRƯƠNG CÔNG TÂN	25/08/1983	*****11	Xã Tân An, Tỉnh Nghệ An	x		7637
319	VI VĂN TÂN	19/02/1991	*****07	Xã Mường Ham, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7561
320	HỒ BÁ TÂN	10/10/1972	*****78	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		7466
321	ĐỖ BÁ TÂN	04/01/1990	*****45	Xã Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An	x		7175
322	NGUYỄN THỊ TÂN	08/01/1990	*****78	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		7810
323	TRẦN PHÚC TIẾN	10/06/2003	*****57	Phường Tân Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7470
324	NGUYỄN PHÚC TÌNH	25/07/2003	*****78	Phường Tân Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7944
325	NGUYỄN THỊ TÌNH	18/04/1987	*****67	Xã Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	8004
326	ĐẶNG THỊ TÌNH	14/02/1977	*****27	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		7411
327	HỒ VĂN TÌNH	30/12/1985	*****05	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x		6837
328	THÁI THỊ TÌNH	29/11/1989	*****58	Xã Nghĩa Thọ, Tỉnh Nghệ An	x		7781
329	NGÔ VĂN TOÀN	17/09/1999	*****63	Xã Nghĩa Thọ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7435

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
330	LÊ ĐÌNH TOÀN	24/04/2007	*****64	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x		7724
331	HOÀNG ĐÌNH TOÁN	20/10/1988	*****65	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7897
332	CAO TUẤN TÚ	01/04/2002	*****39	Xã Châu Tiến, Tỉnh Nghệ An	x	A1	4614
333	LÊ VĂN TÚ	20/10/1992	*****65	Xã Nghĩa Lâm, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7348
334	PHẠM THỊ CẨM TÚ	03/06/1999	*****10	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3707
335	HOÀNG CẨM TÚ	16/11/1998	*****50	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		7814
336	LÊ HOÀI TÚ	28/02/2001	*****29	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7815
337	HỒ ĐÌNH TUẤN	10/02/1966	*****89	Xã Quỳnh Thắng, Tỉnh Nghệ An	x		7912
338	LÊ THẠCH TUẤN	09/01/2000	*****60	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7975
339	LÊ VĂN TUẤN	20/12/1988	*****41	Xã Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An	x		7976
340	LÊ ANH TUẤN	25/07/1979	*****84	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		6586
341	TRẦN QUỐC TUẤN	05/11/1970	*****51	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7540
342	TRẦN VĂN TÙNG	10/10/1990	*****09	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A2	7970
343	CAO VĂN TÙNG	06/08/1982	*****69	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		7572
344	VI THANH TÙNG	05/06/1998	*****61	Xã Tiên Phong, Tỉnh Nghệ An	x		7760

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
345	LÊ VĂN TÙNG	05/04/1998	*****68	Xã Châu Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7900
346	PHẠM VĂN TỤNG	20/02/1997	*****41	Xã Tây Tiền Hải, Tỉnh Hưng Yên	x	A1	7761
347	LÊ MINH TUYỀN	22/11/1999	*****44	Xã Xuân Bình, Tỉnh Thanh Hóa	x	A1	7531
348	TRƯƠNG XUÂN TUYỀN	29/11/1998	*****99	Xã Kim Phú, Tỉnh Quảng Trị	x	A1	7642
349	LÊ VÕ TUYẾN	14/01/1996	*****69	Xã Nghĩa Thọ, Tỉnh Nghệ An	x		7847
350	ĐINH THỊ TUYẾT	08/07/1975	*****82	Xã Nghĩa Khánh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7499
351	LƯƠNG THỊ TUYẾT	08/01/1994	*****66	Xã Tiền Phong, Tỉnh Nghệ An	x		6127
352	TRẦN MẠNH THÁI	22/08/1988	*****89	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		7875
353	NGÔ THỊ THANH	17/10/1993	*****23	Xã Nghĩa Khánh, Tỉnh Nghệ An	x		7920
354	NGUYỄN NGỌC THANH	07/09/1990	*****52	Phường Tân Mai, Tỉnh Nghệ An	x		697
355	HOÀNG THỊ THANH	05/07/1992	*****12	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7856
356	ĐÀO THỊ THANH	01/11/1990	*****11	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x		7756
357	NGUYỄN THỊ THANH	10/02/1988	*****76	Xã Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7780
358	ĐÀM VĂN THÀNH	10/05/1971	*****65	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x		7953
359	CAO TIẾN THÀNH	06/01/1979	*****43	Xã Nghĩa Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		8156

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
360	TRẦN THỊ THÀNH	10/07/1982	*****75	Xã Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		6470
361	NGUYỄN VĂN THÀNH	19/05/1988	*****79	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		4785
362	CAO ĐỨC THÀNH	22/11/2000	*****78	Xã Nghĩa Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		6313
363	NGÔ ĐÌNH THÀNH	27/07/1987	*****05	Xã Xuân Bình, Tỉnh Thanh Hóa	x	A1	7431
364	HOÀNG VĂN THÀNH	31/10/1982	*****98	Xã Nghĩa Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		7562
365	VÕ HIỀN THÀNH	17/03/1991	*****13	Xã Nghĩa Thọ, Tỉnh Nghệ An	x		7124
366	CAO VIỆT THÀNH	10/10/2007	*****31	Xã Nghĩa Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		7895
367	VI THỊ THẢO	06/10/1981	*****09	Xã Quế Phong, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7911
368	LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO	02/07/1983	*****95	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		7969
369	HỒ THỊ THẢO	02/08/1987	*****62	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7490
370	VI THỊ THẢO	11/11/1981	*****91	Xã Quỳnh Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7220
371	CAO THỊ THẢO	02/10/1986	*****52	Xã Nghĩa Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		7406
372	ĐÀO THỊ THẢO	25/12/1986	*****68	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7662
373	CAO THỊ THẢO	05/02/1996	*****02	Xã Nghĩa Lâm, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7757
374	LƯU THỊ THẢO	01/08/1990	*****20	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		7758

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
375	ĐÀO THỊ THẨM	28/06/1993	*****66	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7928
376	DƯƠNG THỊ THUỐC THẨM	20/08/1989	*****49	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		7525
377	BÙI THỊ THẨM	20/03/1996	*****24	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		7811
378	QUANG VĂN THẮNG	06/04/1989	*****67	Xã Quế Phong, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7908
379	VY HUY THẮNG	10/04/1979	*****35	Xã Mường Quàng, Tỉnh Nghệ An	x		7482
380	VŨ VĂN THẮNG	10/10/1983	*****52	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		7430
381	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	28/08/1998	*****77	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6850
382	HỒ ĐỨC THẮNG	26/02/2001	*****56	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7723
383	VI VĂN THÂN	02/09/1965	*****70	Xã Châu Hồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7262
384	BÙI THỊ THÊU	20/08/1988	*****59	Xã Quỳnh Thắng, Tỉnh Nghệ An	x		7617
385	VI THỊ THÌN	11/11/1988	*****29	Xã Quế Phong, Tỉnh Nghệ An	x		7498
386	LÊ TIẾN THỊNH	18/01/1996	*****96	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7150
387	TRƯƠNG THANH THOẢI	21/09/2002	*****19	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7839
388	PHAN NGỌC THÔNG	08/02/1983	*****95	Xã Tân Phú, Tỉnh Nghệ An	x		5574
389	TRẦN XUÂN THÔNG	05/12/1990	*****78	Xã Thiên Cầm, Tỉnh Hà Tĩnh	x		7535

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
390	NGUYỄN THỊ THU	17/12/1981	*****26	Xã Nông Cống, Tỉnh Thanh Hóa	x	A1	7913
391	HOÀNG THỊ THU	24/02/1991	*****77	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7934
392	NGUYỄN THỊ THU	21/09/1982	*****57	Xã Nghĩa Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7378
393	PHẠM ĐỨC THUẬN	04/02/1974	*****96	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		7924
394	LƯƠNG VĂN THUẬN	26/11/1978	*****94	Xã Quỳnh Châu, Tỉnh Nghệ An	x		6496
395	NGUYỄN BÙI THUẬN	29/08/2006	*****19	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x		7858
396	TRẦN VĂN THUẬT	26/06/1976	*****11	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		7491
397	BÙI VĂN THUẬT	19/08/1990	*****38	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x		7563
398	PHẠM THỊ THỦY	09/10/1997	*****07	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		8152
399	LÊ THỊ THỦY	10/11/1994	*****84	Xã Nghĩa Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7409
400	ĐẶNG THỊ THỦY	13/08/1984	*****61	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		5780
401	BÙI THỊ THỦY	02/09/1986	*****91	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		7618
402	HỒ THỊ THỦY	01/03/1994	*****76	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7812
403	NGUYỄN THỊ THÚY	20/01/2000	*****75	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7650
404	VŨ VĂN THUYẾT	20/10/1991	*****47	Xã Nghĩa Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7877

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
405	PHẠM MINH THU'	20/10/2006	*****17	Xã Mường Chộng, Tỉnh Nghệ An	x		7841
406	VŨ TRẦN NGÂN THƯƠNG	19/05/2007	*****08	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		5433
407	TRẦN THỊ CẨM THƯƠNG	12/02/1985	*****20	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7343
408	LÊ QUỐC THƯƠNG	25/02/1997	*****75	Xã Vinh Tường, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7575
409	LÊ VĂN THƯƠNG	10/02/1994	*****49	Xã Châu Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		7896
410	PHAN THANH THƯỜNG	22/02/2002	*****18	Xã Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6802
411	LƯƠNG VĂN THƯỢNG	11/04/1982	*****96	Xã Xuân Bình, Tỉnh Thanh Hóa	x		7981
412	NGUYỄN THỊ TRÀ	08/04/2003	*****75	Xã Mường Ham, Tỉnh Nghệ An	x		7509
413	VÕ THỊ TRÀ	19/01/2004	*****42	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7813
414	LÊ VĂN TRÁC	24/05/1987	*****52	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		7721
415	NGUYỄN THỊ TRANG	20/10/1990	*****11	Phường Tân Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7344
416	NGUYỄN THỊ TRANG	01/08/1989	*****44	Xã Nghĩa Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		7697
417	NGUYỄN THỊ TRANG	02/02/1992	*****43	Xã Tân Phú, Tỉnh Nghệ An	x		7759
418	NGUYỄN THỊ TRANG	16/01/1989	*****83	Xã Quỳnh Thắng, Tỉnh Nghệ An	x		7782
419	TRẦN THỊ TRÂM	01/01/1998	*****44	Xã Quế Phong, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7940

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
420	DƯƠNG THỊ TRÂN	27/03/1991	*****13	Xã Nghĩa Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		7412
421	CAO THỊ PHƯƠNG TRINH	25/08/2003	*****49	Xã Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	8005
422	NGUYỄN THỊ TRINH	23/11/1985	*****18	Xã Nghĩa Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		7346
423	HÀ THỊ TUYẾT TRINH	26/09/2003	*****27	Xã Môn Sơn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7783
424	NGUYỄN THỊ TRÚC	24/10/1993	*****53	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x		7347
425	LÊ PHI TRUNG	09/10/1975	*****53	Xã Vĩnh Tường, Tỉnh Nghệ An	x		4111
426	NGUYỄN NGỌC TRUNG	12/09/2000	*****72	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		7532
427	TRẦN QUANG TRUNG	06/02/1995	*****57	Phường Hương An, Thành phố Huế	x	A1	7296
428	ĐẬU CAO TRUNG	25/02/2001	*****81	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7899
429	VŨ THÀNH TRỰC	24/10/1988	*****13	Xã Nghĩa Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		7898
430	HỒ ĐÌNH VANG	26/09/1966	*****66	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7036
431	CAO VĂN VÂN	25/08/1975	*****02	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		7971
432	PHAN THỊ CẨM VÂN	24/10/1984	*****42	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		2418
433	LÊ THỊ VÂN	15/09/1993	*****97	Xã Nhân Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		7417
434	TRẦN XUÂN TƯỜNG VI	16/01/2002	*****27	Phường Tân Mai, Tỉnh Nghệ An	x		7652

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
435	NGUYỄN TRẦN VINH	18/11/1983	*****97	Xã Quỳnh Văn, Tỉnh Nghệ An	x		7947
436	LÊ TIẾN VINH	30/03/1989	*****05	Xã Nghĩa Thọ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	8207
437	LÊ VĂN VINH	17/07/1974	*****82	Xã Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An	x		4301
438	VI THUÝ VĨNH	23/09/1979	*****17	Xã Mậu Thạch, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7349
439	ĐẶNG THỊ VỊNH	10/09/1996	*****55	Xã Nghĩa Khánh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7350
440	LIM VĂN VŨ	02/04/1990	*****40	Xã Quỳnh Châu, Tỉnh Nghệ An	x		7937
441	HOÀNG ĐÌNH VƯỢNG	15/10/1980	*****54	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x		7942
442	VI VĂN XÊ	10/09/1980	*****82	Xã Quế Phong, Tỉnh Nghệ An	x		7914
443	MOONG VĂN XÌ	18/09/1982	*****65	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		7267
444	LÊ THỊ XOAN	01/08/1994	*****72	Xã Nghĩa Lâm, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7948
445	TRƯƠNG THỊ XUÂN	22/01/1989	*****64	Xã Định Quán, Tỉnh Đồng Nai	x	A1	7784
446	VƯƠNG THỊ YẾN	17/09/1992	*****61	Xã Nghĩa Khánh, Tỉnh Nghệ An	x		7541
447	VÕ THỊ HẢI YẾN	06/09/1991	*****86	Xã Nghĩa Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		7624
448	NGUYỄN THỊ YẾN	26/03/1990	*****52	Xã Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An	x		7785
449	TRẦN THỊ YẾN	01/05/1990	*****74	Xã Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7786